TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH KIÊN GIANG** --- *Bản án số: 32/2024/HNGĐ-ST* *Ngày: 14/5/2024* *V/v:"Tranh chấp ly hôn, nuôi con"*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ánh Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Kiện
2. Ông Hà Ứng Cương

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Kiều Duyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2024 về *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2024/QĐXX-ST, ngày 19 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Th**, sinh năm 1982

Địa chỉ: ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Bà Th có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Ông **Dương P,** sinh năm 1983

Địa chỉ: ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Ông P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện ngày 17/10/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị Th trình bày:***

Bà và ông Dương P chung sống vợ chồng với nhau từ năm 2005, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện C, tỉnh Kiên Giang vào ngày 06/12/2005. Trong thời gian chung sống bà và ông P có 01 người con chung tên Dương M, sinh ngày 24/04/2007. Về tài sản chung và nợ chung không có.

Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu là bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông P không quan tâm đến gia đình, không lo làm ăn, bỏ mặc vợ con, vì vậy bà và ông P đã ly thân không còn sống chung từ năm 2013 đến nay. Xét thấy vợ chồng sống không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Nay bà Th làm đơn này yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Dương P

- Về con chung: Bà Trần Thị Th yêu cầu được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung là Dương M, sinh ngày 24/04/2007, không yêu cầu ông Dương P cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà Th xác nhận bà và ông Dương P không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Th cam kết trong quá trình chung sống bà và ông P không có nợ ai và không ai nợ ông, bà nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Bị đơn ông Dương P vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 24/01/2024, ông P trình bày:***

Vào năm 2005 ông và bà Trần Thị Th tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Kiên Giang. Trong quá trình chung sống ông và bà Th có một người con chung tên Dương M, sinh ngày 24/04/2007. Về tài sản chung và nợ chung: Không có. Ông P cho rằng trong thời gian chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn. Nay bà Th xin ly hôn thì ông P có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Không đồng ý ly hôn với bà Trần Thị Th

Về con chung: Có một người con chung tên Dương M, sinh ngày 24/4/2007, tùy theo nguyện vọng của con, muốn sống chung với ai thì người đó có nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng. Nếu sống với ông thì không yêu cầu bà Th cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Cam kết không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:***

Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Trần Thị Th khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông Dương P nên quan hệ tranh chấp của vụ án là "*Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con*", bị đơn ông Dương P có nơi cư trú tại ấp V, xã V, huyện C nên tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa bị đơn ông Dương P có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Th trình bày vào năm 2005 bà và ông Dương P tiến đến hôn nhân, hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V vào ngày 06 tháng 12 năm 2005, do đó quan hệ hôn nhân giữa bà Th và ông P là hợp pháp.

Xét việc bà Th yêu cầu xin được ly hôn với ông P Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án bà Th xác nhận bà và ông P chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian, đến năm 2013 thì ông bà phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông P không quan tâm đến gia đình, không lo làm ăn, bỏ mặc vợ con từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, bà Th và ông P đã ly thân không còn sống chung từ năm 2013 đến nay. Bà Th xác nhận hiện nay bà không còn tình cảm với ông P nên yêu cầu xin được ly hôn với ông P. Tại biên bản ghi lời khai ngày 24/01/2024 bị đơn ông Dương P cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì đến mức trầm trong nên không đồng ý lý hôn. Tuy nhiên ông P cũng thừa nhận ông và bà Th đã ly thân không còn sống chung từ năm 2013 đến nay.

Xét thấy, nguyên đơn và bị đơn đã không còn sống chung với nhau từ năm 2013 cho đến nay, không còn ai quan tâm đến ai, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặc dù, bị đơn không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn, nhưng không đưa ra được phương án khắc phục mâu thuẫn, cũng không đến Tòa để hòa giải là bỏ mặc; Bên cạnh đó nguyên đơn cũng không đồng ý đoàn tụ. Do đó nếu bà

Th và ông P tiếp tục cuộc sống hôn nhân sẽ không hạnh phúc nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Th là phù hợp theo quy định pháp luật.

[3] Về con chung: Bà Th và ông P đều xác nhận, trong thời gian chung sống giữa ông bà có một người con chung tên Dương M, sinh ngày 24/4/2007 hiện nay đang sống cùng với bà Th. Bà Th yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Ông P đề nghị Tòa án giải quyết tùy theo nguyện vọng con sống với ai thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng. Do đó, căn cứ vào Biên bản ghi lời khai ngày 26/02/2024 cháu Dương M trình bày hiện nay có nguyện vọng ở với bà Th. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận giao con chung cho bà Trần Thị Th trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã giải thích cho bà Th về quyền yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật nhưng bà xác định không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Căn cứ vào lời khai của bà Th và ông P trong quá trình giải quyết vụ án đều xác nhận trong quá trình chung sống ông bà không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bà Trần Thị Th phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trần Thị Th và ông Dương P.

2. Về con chung: Giao con chung là Dương M, sinh ngày 24/04/2007 cho bà Trần Thị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Th không yêu cầu ông Dương P cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Dương P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị Th và ông Dương P đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Trần Thị Th phải nộp tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0001242 ngày 21/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

5. Bà Trần Thị Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Dương P vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKSND huyện Châu Thành;*
- *Chi cục THADS huyện Châu Thành;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

Huỳnh Ánh Tuyết